

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN T  
THÀNH PHỐ HNỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/HNGĐ  
Ngày 13/5/2022  
Về việc tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Đức Cẩn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Xuân Được

Ông Trần Xuân Thương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân quận T

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa:** Bà Đàm Thị Tú  
- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 318 /2021/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐ - ST ngày 23/3/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022 ngày 15/4/2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1993**

HKTT: Đội 1, thôn T, xã Đ huyện M, Thành phố H

Cư trú: Số 73, ngõ 37 Nguyễn Thị Đ, phường T, quận C, Thành phố H  
( Có mặt)

**2. Bị đơn: Anh Đào Ngọc Q, sinh năm 1985**

HKTT: Đội 1, thôn Thường Lệ, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, Thành phố H

Cư trú: Tổ 4, cụm 7, phường T, quận T, Thành phố H  
(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện ngày 10/7/2020 và các lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H trình bày:*

Chị và anh Đào Ngọc Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, Thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Q tại tổ 4, cụm 7, phường T, quận T, Thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 4 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên hút chích,

chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Q vẫn chứng nào tật đấy, không cai nghiện được. Anh Q thường xuyên đe dọa chị H, nên cuối năm 2019 chị phải về nhà mẹ đẻ tại số 73, ngõ 37 Nguyễn Thị Đ, phường T, quận C, Thành phố H để ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Chị xác định có 03 con chung là:

1. Đào Trần Khánh L, sinh ngày 10/4/2013
2. Đào Trần Hà L, sinh ngày 23/6/2014
3. Đào Trần Ngọc L, sinh ngày 25/12/2018

Khi ly hôn, nguyện vọng của chị xin được nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, nhà đất, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*Anh Đào Ngọc Q không đến Tòa án, không có lời khai

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như trên, không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do,

Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thụ lý và trình tự đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không đến Tòa, khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã chuyển đi nơi khác sinh sống, không rõ địa chỉ, thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ.

- Về nội dung: Căn cứ vào thực tế, vợ chồng chị H, anh Q sống ly thân đã lâu không ai quan tâm đến ai, đề nghị HĐXX áp dụng điều 56 Luật HNGĐ xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nhung.

- Áp dụng điều 81, 82, 83, giao 03 con chung là

Đào Trần Khánh L, sinh ngày 10/4/2013; Đào Trần Hà L, sinh ngày 23/6/2014; Đào Trần Ngọc L, sinh ngày 25/12/2018 cho chị Hà trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có.

- Chị Hà phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Q cư trú tại tổ 4, cụm 7, phường Tứ Liên, quận T, Thành phố H. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q đã chuyển đi nơi khác sinh sống, không để lại địa chỉ cư trú mới. Chị H có đơn xin ly hôn với anh Q căn cứ điểm a, khoản 1, khoản 3 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh Q đã cố tình giấu địa chỉ, không đến Tòa án nhiều lần là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Q là đúng quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung: Chị H và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, Thành phố H ngày 05/12/2021, đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống anh, chị xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q là người nghiện ma túy, thuộc diện theo dõi của chính quyền phường T vợ chồng đã ly thân từ năm 2019, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Do vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Chị H có đơn xin ly hôn, Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Q là đúng quy định và phù hợp với thực tiễn.

- Về con chung: Chị H, anh Q xác định có 03 con chung là:

1. Đào Trần Khánh L, sinh ngày 10/4/2013

2. Đào Trần Hà L, sinh ngày 23/6/2014

3. Đào Trần Ngọc L, sinh ngày 25/12/2018

Khi ly hôn, nguyện vọng của chị H xin được nuôi cả 03 con chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q chuyển đi nơi khác ăn ở, sinh sống, không để lại địa chỉ cư trú mới và cũng không đến Tòa án làm việc, không có lời khai về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên không có cơ sở để giao con cho anh Q nuôi dưỡng. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H là phù hợp với Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q đến khi chị H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản, nhà đất, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 147; 227, 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu H đối với anh Đào Ngọc Q. Chị H được ly hôn với anh Q.

2. Về con chung: Giao con 03 chung là:

Đào Trần Khánh L, sinh ngày 10/4/2013; Đào Trần Hà L sinh ngày 23/6/2014; Đào Trần Ngọc L, sinh ngày 25/12/2018 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q đến khi chị H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản, nHất và công nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí : Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004279 ngày 16/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể từ ngày được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú./.

### **Nơi nhận:**

- VKSND quận T
- Chi cục THADS quận T
- Đường sự
- Lưu VP

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đào Đức Cần**